ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:281 /BC-UBND	*Hải Phòng, ngày* 27 *tháng* 10 *năm 2026*

BÁO CÁO
Tình hình thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính tháng 10 năm 2026 trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Thực hiện Thông tư số 09/2026/TT-BTP ngày 15/6/2026 của Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo về công tác kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC), Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện công tác kiểm soát TTHC tháng 10 năm 2026 trên địa bàn thành phố Hải Phòng, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ KIỂM SOÁT TTHC

1. Đánh giá tác động và thẩm định TTHC quy định tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

Việc đánh giá tác động và thẩm định TTHC trong lập đề nghị xây dựng và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, như sau:

- Số lượng TTHC đã được đánh giá tác động và thẩm định bộ phận cấu thành TTHC trong kỳ báo cáo: 0 TTHC; lũy kế đến kỳ báo cáo: 67 TTHC/bộ phận tạo thành TTHC trong 07 dự thảo văn bản QPPL để phân cấp, phân quyền, quy định chính sách đặc thù của địa phương lĩnh vực đất đai, trồng trọt và bảo vệ thực vật,...

- Số lượng TTHC được ban hành trong kỳ báo cáo: 0 TTHC; lũy kế đến kỳ báo cáo: 67 TTHC.

(Chi tiết tại Biểu số 01b/BTP/KSTT và 02c/BTP/KSTT kèm theo).

2. Công bố, công khai TTHC, danh mục TTHC

Việc công bố TTHC, danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương được thực hiện thường xuyên theo quy định. Trên cơ sở các Quyết định công bố của Bộ, ngành Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đã ký đã ban hành:

- Quyết định công bố TTHC, danh mục TTHC trong kỳ: 15 Quyết định công bố danh mục TTHC; lũy kế đến kỳ báo cáo: 222 Quyết định, trong đó: 216 Quyết định công bố danh mục TTHC và 06 Quyết định công bố TTHC đặc thù.

- Tổng số văn bản QPPL có quy định TTHC được công bố trong kỳ: không phát sinh.

- Tổng số Danh mục TTHC và TTHC đặc thù được công bố trong kỳ: 166 TTHC; trong đó, số TTHC ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung (được công khai): 107 TTHC, số TTHC bị thay thế hoặc bãi bỏ (không công khai): 59 TTHC

- Đảm bảo 100% TTHC được công bố mới, sửa đổi, bãi bỏ kịp thời, đúng thời hạn quy định, được cập nhật, công khai kịp thời trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, đồng bộ với Cổng DVC quốc gia và được niêm yết, đăng tải công khai trên Cổng Thông tin điện tử của thành phố, trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương và tại trụ sở Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp.

- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của thành phố Hải Phòng là 2.044 TTHC (do các Bộ, ngành quy định là 1.970 thủ tục và do địa phương quy định là 74 thủ tục), trong đó: 1.684 TTHC có thẩm quyền riêng cấp tỉnh (926 thủ tục được cung cấp DVC trực tuyến toàn trình, 671 thủ tục được cung cấp DVC trực tuyến một phần; 87 TTHC chưa được cung cấp DVC trực tuyến); 263 TTHC cấp xã (158 thủ tục được cung cấp DVC trực tuyến toàn trình, 99 thủ tục được cung cấp DVC trực tuyến một phần, 06 thủ tục chưa được cung cấp DVC trực tuyến); 84 thủ tục dùng chung (59 thủ tục được cung cấp DVC trực tuyến toàn trình, 25 thủ tục được cung cấp DVC trực tuyến một phần); 13 TTHC có thẩm quyền của cơ quan khác (07 thủ tục được cung cấp DVC trực tuyến toàn trình, 02 thủ tục được cung cấp DVC trực tuyến một phần; 04 TTHC chưa được cung cấp DVC trực tuyến)

(Chi tiết tại Biểu số 03b/BTP/KSTT kèm theo)

3. Rà soát, phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC

3.1. Theo chương trình, kế hoạch của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

a) Về tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 3075/UBND-TTPVHCC ngày 03/12/2025 và các Quyết định công bố tái cấu trúc quy trình giải quyết TTHC có thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ: Nội vụ, Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Tư pháp; các sở, ban, ngành thành phố đã chủ động phối hợp với các Bộ chủ quản triển khai thực hiện Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa TTHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý.

Tổ chức rà soát, tái cấu trúc quy trình giải quyết TTHC và công bố trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố đối với các TTHC do địa phương ban hành có thành phần hồ sơ được thay thế bằng thông tin trên các cơ sở dữ liệu quy

định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9 Điều 4 Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP. Theo đó, thành phố đã thực hiện việc tái cấu trúc quy trình giải quyết đối với 17 TTHC đặc thù thuộc lĩnh vực du lịch, đường bộ và hoạt động xây dựng (phương án kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai VBDlist; Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân). Đối với các TTHC đặc thù khác mới được ban hành, hiện các cơ quan chuyên môn đang tiếp tục rà soát, đánh giá, xem xét đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa đảm bảo đạt và vượt chỉ tiêu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

b) Về tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026

- Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và năm 2026; Công điện số 242/CĐ-TTg ngày 21/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc tập trung hoàn thành mục tiêu cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, điều kiện kinh doanh theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ. Ngày 23/12/2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Công văn số 3220/UBND-TTPVHCC về việc tổ chức triển khai thực hiện Công điện số 242/CĐ-TTg ngày 21/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tính đến thời điểm báo cáo, thành phố Hải Phòng đã công bố, công khai 74 TTHC đặc thù, trong đó: 100% TTHC liên quan đến doanh nghiệp được cung cấp DVC trực tuyến và 100% TTHC đủ điều kiện được cung cấp DVC trực tuyến toàn trình. Đối với các TTHC chưa đáp ứng ngay yêu cầu triển khai cung cấp DVC trực tuyến toàn trình, các cơ quan chuyên môn của thành phố đang tiếp tục rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật liên quan (nếu cần) trước khi thực hiện tái cấu trúc quy trình và cung cấp mức DVC.

3.2. Theo Kế hoạch của bộ, cơ quan, Ủy ban nhân dân thành phố

Thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 15/7/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo nhiệm vụ thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế GRDP 06 tháng cuối năm 2026 và giai đoạn 2026-2030 đạt bình quân từ 13% trở lên, thành phố đã rà soát và ban hành các Quyết định công bố danh mục TTHC được cắt giảm thời gian giải quyết và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC áp dụng theo "cơ chế luồng xanh" đối với một số TTHC trong lĩnh vực đất đai, đầu tư, kinh doanh bất động sản, hoạt động xây dựng, thành lập, mở rộng cụm công nghiệp[1]. Theo đó, tổng cộng có 28 TTHC (Trong đó: 08 TTHC của Sở Nông nghiệp và Môi trường, 06 TTHC của Sở Xây dựng, 08 TTHC của Ban Quản lý Khu Kinh tế, 03 TTHC của Sở Xây dựng và 01

[1] Các Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố: số 3657/QĐ-UBND ngày 12/9/2026; số 3661/QĐ-UBND ngày 13/9/2026; số 3851/QĐ-UBND ngày 19/9/2026; số 3857/QĐ-UBND ngày 19/9/2026; số 3858/QĐ-UBND ngày 19/9/2026

TTHC của Sở Công Thương) được áp dụng cơ chế luồng xanh, bao gồm 09 thủ tục cắt giảm dưới 50% thời gian và 17 thủ tục cắt giảm trên 50% thời gian (riêng thủ tục chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và thủ tục thẩm định/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng có trường hợp cắt giảm dưới 50%).

- Thực hiện Nghị quyết số 226/2025/QH15 ngày 27/6/2025 của Quốc hội khóa XV về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định công bố danh mục 711 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện trong Khu thương mại tự do thành phố Hải Phòng, trong đó: có 395 TTHC được cắt giảm tối thiểu 50% thời gian giải quyết; có 181 TTHC được cắt giảm dưới 50% thời gian giải quyết và 134 TTHC không đề xuất cắt giảm do có có thời gian giải quyết ngắn, trong ngày hoặc không được quy định.

4. Tình hình, kết quả giải quyết TTHC

Theo số liệu thống kê, báo cáo của các cơ quan, đơn vị, địa phương từ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của thành phố và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ, ngành từ ngày 15/9/2026 đến hết ngày 14/10/2026:

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo, trong đó: Số mới tiếp nhận trong kỳ: 211.320 hồ sơ (trực tuyến toàn trình là 60.138 hồ sơ; trực tuyến một phần là 122.709 hồ sơ; trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính: 1.684 hồ sơ); số từ kỳ trước chuyển qua: 26.789 hồ sơ

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 183.593 hồ sơ; trong đó, giải quyết trước hạn: 173.530 hồ sơ, đúng hạn: 9.922 hồ sơ, quá hạn: 141 hồ sơ

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 27.727 hồ sơ; trong đó, trong hạn: 27.668 hồ sơ, quá hạn: 59 hồ sơ

(Chi tiết tại Biểu số 07b/BTP/KSTT kèm theo).

5. Triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

Thực hiện Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 Chính phủ về việc thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ quốc gia, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2026 và Nghị định số 309/2026/NĐ-CP ngày 05/8/2026, thành phố Hải Phòng đã tổ chức, thực hiện mô hình Bộ phận Một cửa như sau:

- Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố (gồm trụ sở chính tại khu vực phía Đông và địa điểm tiếp nhận tại khu vực phía Tây) thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu quyết định thành lập 114 Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp. Các Trung tâm nêu trên đều là

tổ chức hành chính, có con dấu và tài khoản riêng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

- Kể từ ngày 10/01/2026, Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố chính thức đi vào hoạt động ổn định tại địa chỉ số 18 đường Hoàng Diệu, phường Hồng Bàng. Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, đặc khu cũng ưu tiên lựa chọn hình thức nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất sẵn có hoặc hoán đổi công năng các công trình trong khuôn viên hoặc ngoài khuôn viên của Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu, đảm bảo điều kiện làm việc thuận lợi và phục vụ tốt nhu cầu của người dân. Địa chỉ trụ sở, số điện thoại đường dây nóng, nội dung của các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được niêm yết công khai đầy đủ.

- Đội ngũ nhân sự làm việc tại TTPVHCC các cấp đa phần gồm: Công chức, viên chức, nhân viên thuộc quản lý của TTPVHCC; cán bộ, công chức, viên chức do các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, phòng chuyên môn cấp xã, cơ quan trung ương tổ chức theo hệ thống ngành dọc tại địa phương cử đến2

- Công tác đầu tư hạ tầng, trang thiết bị được triển khai đồng bộ theo đúng Nghị định số 118/2025/NĐ-CP của Chính phủ và Công văn số 5621/VPCP-KSTT ngày 20/6/2025 của Văn phòng Chính phủ, như sau: (i) Thiết bị văn phòng: Trang bị cơ bản đầy đủ và đảm bảo về máy tính phục vụ cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại TTPVHCC thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp; máy tính có kết nối mạng phục vụ riêng cho tổ chức, cá nhân đến thực hiện TTHC; máy in; máy photocopy; máy scan để thực hiện số hóa hồ sơ; máy lấy số tự động; kiosk tra cứu thông tin; màn hình hiện thị số tự động; thiết bị cảm ứng đánh giá mức độ hài lòng; ghế ngồi chờ; bàn để viết và các trang thiết bị phục vụ công tác hành chính khác; (ii) Hạ tầng công nghệ: Hệ thống mạng nội bộ và đường truyền internet phục vụ người dân, doanh nghiệp được thiết lập riêng biệt, thông suốt, ổn định; (iii) Phân khu chức năng: Đảm bảo bố trí khu vực cung cấp thông tin TTHC; khu vực hỗ trợ người dân, doanh nghiệp thực hiện DVC trực tuyến; khu vực tiếp nhận và trả kết quả đầy đủ, hợp lý, thuận tiện. Căn cứ vào quy mô, diện tích và điều kiện thực tế tại một số địa phương đã tổ chức, triển khai thêm quầy hướng dẫn hoặc quầy dành riêng cho người cao tuổi, phụ nữ mang thai, người khuyết tật và khu vực cung cấp dịch vụ hỗ trợ khác (tư vấn pháp lý, thanh toán nghĩa vụ tài chính, phiên dịch tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc (nếu cần), sao chụp, in ấn tài liệu,…);

- Từ ngày 01/01/2026, các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã cơ bản thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của các Bộ, ngành. Để bảo đảm công tác theo dõi, giám sát và trả kết quả giải quyết TTHC được tập trung, thống nhất đồng thời giảm áp lực cho cán bộ, công chức trong tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC, Trung

[2] Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố bố trí 17 biên chế công chức, viên chức; Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã bố trí tối thiểu 5 công chức.

tâm Phục vụ hành chính công thành phố đã phối hợp với VNPT thành phố Hải Phòng xây dựng phần mềm theo dõi, bàn giao kết quả giải quyết, ký số và điện tử hóa sổ theo dõi hồ sơ cho tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC. Việc triển khai phần mềm này đã góp phần rút ngắn thời gian chờ đợi của tổ chức, cá nhân khi nhận kết quả giải quyết TTHC đồng thời giảm chi phí cho các cơ quan nhà nước.

- Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp và cắt giảm chi phí tuân thủ trong thực hiện TTHC, thành phố đã chủ động rà soát, công bố các TTHC thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính kèm theo các Quyết định công bố danh mục TTHC, luôn bảo đảm 100% TTHC thực hiện tại Bộ phận Một cửa các cấp được tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả không phụ thuộc địa giới hành chính theo đúng yêu cầu, chỉ đạo của Trung ương.

6. Công bố, công khai và cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước

6.1. Về công bố, công khai

Trên cơ sở các quyết định công bố của Bộ, ngành Trung ương, thành phố Hải Phòng đã thực hiện công bố, công khai đầy đủ, kịp thời; bảo đảm 100% TTHC nội bộ sau khi công bố đã được đăng tải công khai trên Cổng Thông tin điện tử của thành phố; Trang Thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị. Cụ thể như sau:

- Tổng số Quyết định công bố TTHC nội bộ thuộc thẩm quyền giải quyết cấp tỉnh, cấp xã trong kỳ: 01 Quyết định; lũy kế đến kỳ báo cáo: 40 Quyết định;

- Tổng số TTHC nội bộ được công bố trong kỳ: 06 TTHC nội bộ (trong đó 01 TTHC mới ban hành, 05 TTHC bị thay thế, bãi bỏ); lũy kế đến kỳ báo cáo: 298 TTHC nội bộ (trong đó 91 TTHC mới ban hành, 79 TTHC được sửa đổi, bổ sung, 128 TTHC bị bãi bỏ).

6.2. Tình hình kết quả phê duyệt, thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ

Lũy kế đến thời điểm báo cáo, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 5324/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ, đồng thời đã ban hành Quyết định số 5441/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 về việc công bố TTHC nội bộ được sửa đổi bổ sung thực thi phương án đơn giản hóa TTHC đối với 11 TTHC thuộc thẩm quyền thực hiện của một số Sở, ngành: Xây dựng, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài chính, Thanh tra.

(Chi tiết tại Biểu số 09a/BTP/KSTT và 09b/BTP/KSTT kèm theo).

7. Truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC

Góp phần vào công tác truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC, thành phố đã chủ động triển khai nhiều giải pháp đồng bộ và hiệu quả. Một mặt, thành phố đẩy mạnh tuyên truyền qua báo chí và truyền hình thông qua việc xây dựng các chuyên mục, phóng sự chuyên sâu trên Báo và Phát thanh - Truyền hình

thành phố nhằm liên tục truyền tải các chỉ đạo của Chính phủ, Bộ, ngành về cải cách TTHC, cải thiện môi trường kinh doanh; các giải pháp tháo gỡ những phản ánh những khó khăn, vướng mắc từ thực tiễn của các cơ quan chuyên trách. Mặt khác, các kênh truyền thông cộng đồng cũng được đa dạng hóa bằng việc đăng tải thông tin trên các cổng/trang thông tin điện tử đơn vị, lồng ghép nội dung tại các cuộc họp, hình thức trực quan (pano, áp phích), mạng xã hội và các buổi sinh hoạt văn hóa, kết hợp phối hợp chặt chẽ với Đoàn Thanh niên cùng các tổ chức Hội để đưa thông tin chính xác, bổ ích đến tận tay từng người dân và doanh nghiệp.

8. Nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách TTHC

Từ năm 2025, các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn thành phố đã triển khai nhiều phương án cải cách TTHC và nhiều giải pháp hỗ trợ tiếp cận DVC trực tuyến, thanh toán trực tuyến nhằm bảo đảm người cao tuổi, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn và các nhóm hạn chế về khả năng tiếp cận công nghệ không bị bỏ lại phía sau. Các giải pháp được thực hiện theo hướng kết hợp giữa hướng dẫn trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã, hỗ trợ lưu động tại Nhà văn hóa thôn, tổ dân phố hoặc nơi cư trú và phổ cập kỹ năng số tại cộng đồng, từng bước nâng cao khả năng tiếp cận và sử dụng DVC trực tuyến của người dân. Một số mô hình, cách làm tiêu biểu như:

- Mô hình "Một điểm đến – Nhiều tiện ích" tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp cơ sở (UBND phường Hồng Bàng…): Tích hợp đa dạng các dịch vụ công ích: hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến, hỗ trợ số hóa tài liệu, tư vấn pháp lý, bưu chính công ích và thanh toán không dùng tiền mặt tại một điểm tiếp nhận tập trung, nâng cao trải nghiệm hài lòng của người dân và tổ chức.

- Mô hình "Dịch vụ công đến tận nhà – sống an vui tuổi già" và hỗ trợ an sinh xã hội số (UBND các phường Việt Hòa, An Biên…): Thành lập tổ hỗ trợ lưu động đến tận nơi cư trú để hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ trực tuyến cho người cao tuổi, gia đình chính sách, người có công và đối tượng bảo trợ xã hội; hỗ trợ tạo lập tài khoản định danh điện tử VNeID và tài khoản an sinh để chi trả trợ cấp không dùng tiền mặt.

- Mô hình "Bình dân học vụ số" tại tổ dân phố gắn với Tổ công nghệ số cộng đồng (UBND các các xã, phường: Đông Hải, An Biên, Vĩnh Thịnh…): Triển khai chiến dịch phổ cập kỹ năng số trực tiếp tại các nhà văn hóa, tổ dân phố theo phương châm "cầm tay chỉ việc"; hướng dẫn người dân tự nộp hồ sơ TTHC trên Cổng DVC quốc gia, cài đặt VNeID, thanh toán trực tuyến và tương tác với chính quyền qua môi trường số.

- Mô hình "Ngày không hẹn, không chờ" (UBND các phường: Hồng An, Lê Chân, Ngô Quyền, Thủy Nguyên…): Thiết lập cơ chế "Giải quyết nhanh" 01 ngày/tuần, tiếp nhận và trả kết quả TTHC ngay trong ngày cho người dân, tổ chức và doanh nghiệp đối với một số TTHC.

- Mô hình "Hỗ trợ người yếu thế, người già neo đơn, người có công với cách

mạng khó khăn trong việc tiếp cận và giải quyết các TTHC thông thường" (UBND xã Ninh Giang): Tăng cường công khai, tuyên truyền rộng rãi thông tin của mô hình và các nội dung liên quan đến TTHC trên các phương tiện truyền thông đại chúng; bố trí nguồn lực tổ chức tiếp nhận hồ sơ ngoài giờ hành chính (bao gồm các ngày làm việc trong tuần, Thứ Bảy và Chủ nhật) nhằm tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người già neo đơn, người có công và các nhóm đối tượng khó khăn.

- Mô hình "Trung tâm Phục vụ hành chính công lưu động" ở phường Thủy Nguyên và một số xã, phường khác: Các địa phương đã bố trí làm việc vào ngày thứ 7 hoặc Chủ nhật, có thông báo, tuyên truyền đến người dân ở từng thôn, tổ dân phố biết để đến Nhà Văn hóa Thôn/Tổ dân phố để được hướng dẫn, tiếp nhận và giải quyết, trả kết quả TTHC; hướng dẫn tích hợp Sổ sức khỏe điện tử, tài khoản an sinh xã hội và các loại giấy tờ trên ứng dụng VNeID; tư vấn chính sách pháp luật, TTHC…

- Ban hành các Phương án nhằm hỗ trợ người dân yếu thế và xử lý tình huống thường gặp khi tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC (UBND phường, xã: Thành Đông, Nguyễn Lương Bằng,..): Xây dựng kịch bản xử lý và các phương án hỗ trợ đối với từng đối tượng yếu thế riêng biệt; thiết lập "Tổ hỗ trợ công dân yếu thế" tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; Tăng cường cán bộ, công chức và đoàn viên, hội viên các tổ chức chính trị xã hội tham gia hỗ trợ giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công hỗ trợ người dân nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia, hỗ trợ người yếu thế ghi tờ khai, hồ sơ (nếu cần).

9. Kiểm tra thực hiện công tác kiểm soát TTHC

Ngày 10/5/2026, Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng đã ban hành Quyết định số 1750/QĐ-UBND phê duyệt Kế hoạch kiểm tra công tác kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và giải quyết TTHC trên môi trường điện tử năm 2026 trên địa bàn thành phố.

Theo Kế hoạch, Đoàn kiểm tra sẽ tiến hành kiểm tra có thông báo trước hoặc kiểm tra đột xuất các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn. Đoàn sẽ làm việc trực tiếp với các phòng, ban, đơn vị tham mưu hoặc trực tiếp giải quyết hồ sơ; đồng thời kết hợp kiểm tra dữ liệu hồ sơ đã giải quyết trên Cổng DVC Quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố và các hệ thống chuyên ngành liên quan. Nội dung kiểm tra được thực hiện nghiêm túc theo quy định tại Chương VII Thông tư số 02/2017/TT-VPCP; Nghị định số 118/2025/NĐ-CP, Nghị định số 367/2025/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư số 03/2025/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ cùng các văn bản quy định về giải quyết TTHC trên môi trường điện tử.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Về hiệu quả và mức độ hoàn thành công tác kiểm soát TTHC

Trong kỳ báo cáo, công tác chỉ đạo, điều hành và kiểm soát TTHC của thành phố đã được triển khai quyết liệt, đồng bộ, linh hoạt và đạt nhiều kết quả tích cực:

- Về công tác chỉ đạo: UBND thành phố đã chủ động, ban hành kịp thời các văn bản đôn đốc, tập trung triển khai các nhiệm vụ, bám sát các chỉ đạo của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh chuyển đổi số, phân cấp và cắt giảm, đơn giản hóa TTHC và các nhiệm vụ về cải cách kiểm soát TTHC.

- Về công tác kiểm soát TTHC: UBND thành phố đã ban hành các Quyết định công bố TTHC, danh mục TTHC nghiêm túc đúng thời hạn, đảm bảo 100% TTHC được niêm yết, công khai minh bạch, đầy đủ theo quy định. Tỷ lệ tiếp nhận và xử lý hồ sơ trực tuyến của thành phố đạt 99,08%. Tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng, trước hạn và trong hạn của thành phố đạt 99,90%. Cung cấp 100% DVC trực tuyến toàn trình đối với các TTHC đủ điều kiện thuộc thẩm quyền ban hành, 100% TTHC liên quan đến doanh nghiệp thuộc thẩm quyền ban hành được cung cấp DVC trực tuyến. Tình hình tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của người dân, doanh nghiệp được thực hiện công khai và trách nhiệm, 100% phản ánh, kiến nghị thuộc thẩm quyền đều được tiếp nhận, xử lý đúng quy định. Giúp nâng cao mức độ hài lòng của các cá nhân, tổ chức trong quá trình thực hiện TTHC.

2. Khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác kiểm soát TTHC

- Một số Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của các Bộ, ngành (đặc biệt là Bộ Tư pháp) vận hành chưa ổn định. Trong giờ cao điểm, hệ thống thường xuyên gặp sự cố đăng nhập, gián đoạn kết nối, tốc độ xử lý thao tác và tải tệp tin rất chậm, làm ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ tiếp nhận, xử lý hồ sơ

- Hệ thống Điều phối chưa phát huy hiệu quả vai trò tổng hợp dữ liệu dùng chung do nhiều tính năng thống kê, báo cáo chưa hoàn thiện, tiến độ đồng bộ dữ liệu giữa các hệ thống còn chậm, thiếu chính xác hoặc không đầy đủ. Việc tổng hợp, theo dõi và báo cáo một số chỉ tiêu còn phải thực hiện thủ công do dữ liệu nằm phân tán trên nhiều hệ thống, chưa có cơ chế tự động tổng hợp, đồng bộ theo thời gian thực. Điều này không chỉ làm tăng khối lượng công việc cho cán bộ mà còn tiềm ẩn nguy cơ không thống nhất số liệu giữa các hệ thống, ảnh hưởng đến công tác theo dõi, đánh giá chất lượng giải quyết TTHC và cung cấp DVC.

- Vẫn còn tình trạng hồ sơ thực tế đã được tiếp nhận và giải quyết xong trước hạn, nhưng Hệ thống Điều phối vẫn hiển thị trạng thái quá hạn hoặc chưa cập nhật kịp thời, làm ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả đánh giá Bộ Chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp *(Bộ Chỉ số 766)* của địa phương.

- Tính năng thống kê, tổng hợp, trích xuất dữ liệu của một số Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ, ngành chưa đáp ứng tốt nhu cầu khai

thác dữ liệu theo khoảng thời gian linh hoạt[3]; còn thiếu công cụ thống kê, tổng hợp và trích xuất dữ liệu theo các tiêu chí chuyên sâu[4] *(Ví dụ: tỷ lệ về số hóa hồ sơ, cấp kết quả điện tử, tỷ lệ tái sử dụng dữ liệu số hóa,...).* Hệ thống hỗ trợ xử lý PAKN trên Cổng DVC Quốc gia còn hạn chế trong việc thống kê, báo cáo, toàn bộ PAKN sau khi xử lý và công khai đều được tính chung cho UBND thành phố Hải Phòng. Bất cập này gây nhiều khó khăn cho công tác theo dõi, thống kê và đánh giá chính xác chất lượng xử lý PAKN của từng đơn vị trực thuộc.

- Hồ sơ thủ tục Đăng ký kinh doanh vẫn được luân chuyển trực tiếp về phòng chuyên môn các cấp không qua tài khoản tiếp nhận của Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp, gây khó khăn trực tiếp cho công tác kiểm soát, theo dõi và tổng hợp số liệu tập trung.

- Quá trình triển khai các nhóm TTHC liên thông *(thủ tục đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; thủ tục đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất;...)* còn phát sinh lỗi kết nối, chia sẻ dữ liệu, chậm đồng bộ từ giữa các Hệ thống, CSDL chuyên ngành của Bộ Tư pháp và các Hệ thống, CSDL chuyên ngành của Bảo hiểm Xã hội. Hệ lụy là việc thực hiện TTHC liên thông trên môi trường điện tử không được thông suốt, nhiều trường hợp người dân phải trực tiếp đến nhiều cơ quan khác nhau để nộp hồ sơ và giải quyết thủ tục.

- Vẫn còn có sự bất cập, thiếu thống nhất trong công bố, cấu hình danh mục DVC trực tuyến (Toàn trình và Một phần/Cung cấp thông tin) giữa Cổng DVC Quốc gia với một số Quyết định công bố của các Bộ/Ngành, cụ thể : ***(i)*** TTHC lĩnh vực chứng thực được cung cấp mức DVC trực tuyến toàn trình trên Cổng DVC Quốc gia hiện không nằm trong Danh mục được ban hành kèm theo Quyết định số 1877/QĐ-BTP ngày 25/6/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố Danh mục TTHC thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp đủ điều kiện thực hiện DVC trực tuyến toàn trình; ***(ii)*** một số TTHC lĩnh vực hoạt động xây dựng tại Công văn số 10504/BXD-TTCNTT ngày 09/7/2026 của Bộ Xây dựng về việc triển khai các TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Xây dựng cung cấp DVC trực tuyến một phần, song tại Cổng DVC Quốc gia áp dụng mức DVC trực tuyến toàn trình; ***(iii)*** một số TTHC lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam và Đầu tư đặc biệt Công văn số 9169/BTC-VP ngày 30/6/2026 của Bộ Tài chính về việc danh mục TTHC đã cung cấp DVC trực tuyến và TTHC chưa đủ điều kiện cung cấp DVC trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia thuộc dịch công cung cấp thông tin, song tại Cổng DVC Quốc gia áp dụng mức DVC trực tuyến toàn trình.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CỦA KỲ TIẾP THEO

[3] Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Bộ Tư pháp chỉ cho phép trích xuất dữ liệu trong khoảng thời gian 03 tháng

[4] Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chưa có chức năng thống kê tỷ lệ tái sử dụng dữ liệu số hóa và tỷ lệ thanh toán trực tuyến; Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Bộ Tư pháp chưa thống kê được tỷ lệ tái sử dụng dữ liệu số hóa

1. Tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách, kiểm soát TTHC được giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP, Nghị quyết số 23/NQ-CP và Nghị quyết số 258/NQ-CP của Chính phủ.

2. Tiếp tục tổ chức triển khai có hiệu quả, đồng bộ, thống nhất, thông suốt 11 Nghị quyết của Chính phủ vừa ban hành về phân quyền, phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, ĐKKD, ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, bảo đảm người dân, doanh nghiệp phải được thụ hưởng thực chất kết quả của cải cách.

3. Tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành trong việc vận hành và triển khai các Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung và Cổng DVC quốc gia cùng các phân hệ. Bố trí các điều kiện cần thiết về hạ tầng kỹ thuật, an toàn, an ninh thông tin mạng để việc tiếp nhận, giải quyết TTHC và cung cấp DVC trực tuyến cho tổ chức, cá nhân được thực hiện thông suốt, hiệu quả và bảo đảm việc khai thác, sử dụng Cổng DVC quốc gia theo quy định tại Quyết định số 29/2026/QĐ-TTg ngày 04/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý vận hành khai thác Cổng DVC quốc gia.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề nghị các Bộ, ngành Trung ương:

1. Tiếp tục rà soát, nâng cấp hoàn thiện hạ tầng, tối ưu hóa hiệu năng vận hành của Cổng Dịch vụ công Quốc gia cùng các phân hệ và hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của các Bộ, ngành nhằm bảo đảm kết nối, truy cập thông suốt, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu chính xác, kịp thời đáp ứng điều kiện vận hành thực tế tại địa phương. Đồng thời, nâng cấp và hoàn thiện các tính năng thống kê, trích xuất dữ liệu tự động của Hệ thống Điều phối và hệ thống các Bộ, ngành theo khoảng thời gian linh hoạt cùng các tiêu chí chuyên sâu (như tỷ lệ số hóa, tái sử dụng dữ liệu, cấp kết quả điện tử...); khắc phục dứt điểm tình trạng gián đoạn kết nối giữa các Hệ thống thông tin giải quyết TTHC và các Cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành khi thực hiện các nhóm TTHC liên thông, giúp hệ thống vận hành thông suốt và hỗ trợ người dân thực hiện trọn vẹn thủ tục trực tuyến mà không phải đi lại nhiều nơi.

2. Xem xét phân quyền tài khoản quản trị cấp cao cho cơ quan kiểm soát TTHC tại địa phương trên các Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ, ngành để quản lý, theo dõi, giám sát, đánh giá việc giải quyết hồ sơ phát sinh ở địa phương.

Bổ sung giải pháp kỹ thuật để ghi nhận đầy đủ, chính xác trạng thái và thời gian xử lý hồ sơ đối với các TTHC có quy định giải quyết phức tạp. Qua đó phản ánh đúng thực chất tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ; bảo đảm công khai, minh bạch trong theo dõi, đánh giá việc giải quyết TTHC, cũng như chất lượng giải quyết hồ sơ cho người dân, doanh nghiệp.

3. Điều chỉnh quy trình giải quyết hồ sơ đăng ký kinh doanh bảo đảm đảm bảo có sự tham gia tiếp nhận, trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp để theo dõi, kiểm soát tập trung.

4. Sớm xây dựng, hoàn thiện Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, DVC theo thời gian thực trên môi trường điện tử trên Cổng DVC quốc gia mới (do Bộ Công an xây dựng) để các cơ quan, đơn vị, địa phương có thể chủ động theo dõi, thống kê, báo cáo, chấm điểm cải cách hành chính định kỳ,…cũng như phục vụ việc theo dõi, đánh giá của người dân, doanh nghiệp đối với việc thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

5. Tăng cường cơ chế kiểm tra, giám sát dựa trên dữ liệu, ưu tiên khai thác dữ liệu trực tiếp, giám sát tự động và theo thời gian thực; đồng thời thống nhất đầu mối, nội dung và phương thức báo cáo giữa các Bộ, ngành Trung ương, hạn chế tình trạng nhiều cơ quan cùng yêu cầu địa phương báo cáo một số nội dung trùng lặp. Đối với những thông tin đã có trên các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung hoặc đã được địa phương báo cáo theo yêu cầu của một cơ quan, đề nghị các cơ quan liên quan chủ động khai thác, chia sẻ và sử dụng lại dữ liệu, hạn chế yêu cầu địa phương tổng hợp, báo cáo nhiều lần. Việc kiểm tra, đánh giá cần đồng thời phân định rõ nguyên nhân, trách nhiệm thuộc địa phương với các vấn đề phát sinh do hệ thống, dữ liệu hoặc cơ quan khác quản lý.

6. Rà soát, chuẩn hóa danh mục TTHC đủ điều kiện cung cấp DVC trực tuyến toàn trình/một phần giữa các Quyết định công bố của Bộ, ngành và cấu hình thực tế trên Cổng DVC Quốc gia. Khắc phục tình trạng chênh lệch, mâu thuẫn về danh mục và mức độ cung cấp DVC giữa văn bản pháp lý và hệ thống phần mềm, tạo cơ sở dữ liệu chuẩn hóa phục vụ công tác tổ chức thực hiện, thống kê, báo cáo và đánh giá chính xác kết quả thực hiện TTHC tại các địa phương.

Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng kính gửi Bộ Tư pháp tổng hợp, báo cáo Chính phủ./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cục KSTTHC - BTP;
- CT, các PCT UBNDTP;
- Các Sở, ban, ngành thuộc UBND TP;
- Công an thành phố;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Lãnh đạo VP UBND TP;
- Trung tâm PVHCC TP;
- Lưu: VT, P.T.Dương.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Minh Cường

Phụ lục

CÁC BIỂU MẪU SỐ LIỆU BÁO CÁO CÔNG TÁC KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG TRONG THÁNG 10 NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

I. BIỂU SỐ 01B/BTP/KSTT[5] VỀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA TTHC (TTHC) TẠI ĐỊA PHƯƠNG

STT	Tên dự thảo văn bản QPPL được đánh giá tác động của TTHC	Số lượng TTHC đã được đánh giá tác động					Số lượng TTHC được quy định tại văn bản (sau khi ban hành)	
		Tổng số TTHC được đánh giá tác động	TTHC được quy định mới	TTHC được sửa đổi, bổ sung	TTHC được bãi bỏ	TTHC được giữ nguyên	Tổng số TTHC được quy định	Số, ký hiệu, ngày, tháng, năm ban hành văn bản
(1)	(2)	(3) = (4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh							
II	Quyết định của UBND cấp tỉnh							
III.	Quyết định của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	0	0	0	0	0	0	
	TỔNG SỐ	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	

[5] Trong kỳ báo cáo thành phố không có đề nghị xây dựng và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật quy định TTHC để thực hiện đánh giá tác động TTHC

II. BIỂU SỐ 02c/BTP/KSTT[6] VỀ KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH VỀ TTHC QUY ĐỊNH TẠI DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA ĐỊA PHƯƠNG

STT	Tên cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo	Tổng số		Số lượng TTHC được thẩm định theo tên loại VBQPPL					
				Quyết định của UBND		Quyết định của Chủ tịch UBND		Nghị quyết của HĐND	
		TTHC	VBQPPL	Số lượng VBQPPL	Số lượng TTHC	Số lượng VBQPPL	Số lượng TTHC	Số lượng VBQPPL	Số lượng TTHC
(1)	(2)	(3) = (6)+(8)+(10)	(4) = (5)+(7)+(9)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
		0	0	0	0	0	0	0	0
TỔNG SỐ		0	0	0	0	0	0	0	0

[6] Trong kỳ báo cáo thành phố không dự thảo văn bản quy phạm pháp luật quy định TTHC để thực hiện thẩm định

III. BIỂU SỐ 03b/BTP/KSTT[7] VỀ KẾT QUẢ CÔNG BỐ, CÔNG KHAI TTHC TẠI ĐỊA PHƯƠNG

A. CÔNG BỐ DANH MỤC TTHC, CÔNG KHAI TTHC THUỘC THẨM QUYỀN BAN HÀNH CỦA TW

ST	Tên cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh thực hiện	Số lượng quyết định công bố	Số lượng TTHC đã được công bố				Số lượng TTHC đã được công khai/ không công khai		Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị đến thời điểm báo cáo
			Tổng số	TTHC quy định mới	TTHC sửa đổi, bổ sung	TTHC bãi bỏ	Ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung (Công khai)	Bãi bỏ (Không công khai)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Sở Tài chính - TP Hải Phòng	1	3	0	3	0	3	0	112
2	Sở Tư pháp - TP Hải Phòng	2	21	12	7	2	19	2	152
3	Sở Xây dựng - TP Hải Phòng	3	7	0	4	3	4	3	161
4	Sở Y tế - TP Hải Phòng	2	16	4	2	10	6	10	132
5	Ban quản lý khu kinh tế - TP Hải Phòng	0	0	0	0	0	0	0	64
6	Sở Công Thương	3	56	39	17	0	56	0	272

[7] Do có các TTHC có thẩm quyền giải quyết chung giữa các cơ quan cùng cấp (Ví dụ: TTHC có thẩm quyền chung giữa Ban quản lý khu kinh tế, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường;...) hoặc giữa các cấp chính quyền (Ví dụ: TTHC thẩm quyền chung cấp tỉnh và cấp xã theo từng trường hợp cụ thể). Vì vậy, tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của thành phố Hải Phòng là 2.044 TTHC (do trung ương quy định là 1.970 thủ tục và do địa phương quy định là 74 thủ tục), trong đó: 1.684 TTHC có thẩm quyền riêng cấp tỉnh (926 thủ tục được cung cấp DVC trực tuyến toàn trình, 671 thủ tục được cung cấp DVC trực tuyến một phần; 87 TTHC chưa được cung cấp DVC trực tuyến); 263 TTHC cấp xã (158 thủ tục được cung cấp DVC trực tuyến toàn trình, 99 thủ tục được cung cấp DVC trực tuyến một phần, 06 thủ tục chưa được cung cấp DVC trực tuyến); 84 thủ tục dùng chung (59 thủ tục được cung cấp DVC trực tuyến toàn trình, 25 thủ tục được cung cấp DVC trực tuyến một phần); 13 TTHC có thẩm quyền của cơ quan khác (07 thủ tục được cung cấp DVC trực tuyến toàn trình, 02 thủ tục được cung cấp DVC trực tuyến một phần; 04 TTHC chưa được cung cấp DVC trực tuyến)

7	Thanh tra TP Hải Phòng	0	0	0	0	0	0	0	8
8	Sở Giáo dục và Đào tạo - TP Hải Phòng	2	60	15	1	44	16	44	69
9	Sở Khoa học và Công nghệ - TP Hải Phòng	0	0	0	0	0	0	0	262
10	Sở Nông nghiệp và Môi trường - TP Hải Phòng	2	3	0	3	0	3	0	254
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch - TP Hải Phòng	0	0	0	0	0	0	0	153
12	Sở Ngoại vụ - TP Hải Phòng	0	0	0	0	0	0	0	6
13	Sở Nội vụ - TP Hải Phòng	0	0	0	0	0	0	0	139
14	UBND cấp xã	0	0	0	0	0	0	0	336
	TỔNG CỘNG	**15**	**166**	**70**	**37**	**59**	**107**	**59**	**2120**

B. CÔNG BỐ, CÔNG KHAI TTHC THUỘC THẨM QUYỀN BAN HÀNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG

STT	Tên cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh	Số lượng quyết định công bố	Số lượng văn bản QPPL quy định TTHC được công bố	Số lượng TTHC đã được công bố				Số lượng TTHC đã được công khai/ không công khai		Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị đến thời điểm báo cáo
				Tổng số	TTHC quy định mới	TTHC sửa đổi, bổ sung	TTHC bãi bỏ	Ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung (Công khai)	Bãi bỏ (Không công khai)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Sở Tài chính - TP Hải Phòng	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Sở Tư pháp - TP Hải Phòng	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Sở Xây dựng - TP Hải Phòng	0	0	0	0	0	0	0	0	2
4	Sở Y tế - TP Hải Phòng	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Ban quản lý khu kinh tế - TP Hải Phòng	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Sở Công Thương	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Thanh tra TP Hải Phòng	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Sở Giáo dục và Đào tạo - TP Hải Phòng	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Sở Khoa học và Công nghệ - TP Hải Phòng	0	0	0	0	0	0	0	0	6
10	Sở Nông nghiệp và Môi trường - TP Hải Phòng	0	0	0	0	0	0	0	0	36
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch - TP Hải Phòng	0	0	0	0	0	0	0	0	7
12	Sở Ngoại vụ - TP Hải Phòng	0	0	0	0	0	0	0	0	0

13	Sở Nội vụ - TP Hải Phòng	0	0	0	0	0	0	0	0	0
14	UBND cấp xã	0	0	0	0	0	0	0	0	25
	TỔNG CỘNG	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**76**

IV. BIỂU SỐ 4d/BTP/KSTT [8] VỀ KẾT QUẢ RÀ SOÁT, ĐƠN GIẢN HÓA TTHC, ĐIỀU KIỆN KINH DOANH

STT	Quyết định phê duyệt PA ĐGH	Phương án đơn giản hóa được phê duyệt								Kết quả thực thi PA ĐGH trong kỳ báo cáo								
		Đơn giản hóa TTHC	Bãi bỏ TTHC	Đơn giản hóa ĐKKD	Cắt giảm ĐKKD	Thời gian giải quyết TTHC dự kiến cắt giảm (ngày)	Tỷ lệ thời gian cắt giảm	Chi phí tuân thủ cắt giảm (triệu đồng)	Tỷ lệ chi phí cắt giảm	Đơn giản hóa TTHC	Bãi bỏ TTHC	Đơn giản hóa ĐKKD	Cắt giảm ĐKKD	Thời gian giải quyết TTHC đã cắt giảm (ngày)	Chi phí tuân thủ cắt giảm (triệu đồng)	Số lượng VB đã được ban hành để thực thi PA ĐGH		Số, ký hiệu, ngày tháng năm của Văn bản thực thi và Văn bản được sửa đổi bổ sung
																NQ của HĐND	QĐ của UBND	
A	**B**	**(1)**	**(2)**	**(3)**	**(4)**	**(5)**	**(6)**	**(7)**	**(8)**	**(9)**	**(10)**	**(11)**	**(12)**	**(13)**	**(14)**	**(15)**	**(16)**	**(17)**
I	Theo Quyết định phê duyệt phương án đơn giản hóa của Uỷ ban nhân dân (ghi rõ số, ngày, tên Quyết định)																	
1	Quyết định	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II	Chủ động thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa TTHC trong xây dựng, ban hành VBQPPL																	
1	Lĩnh vực	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng		**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**

[8] Trong kỳ báo cáo, thành phố chưa phát sinh TTHC được phê duyệt và thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC

V. BIỂU SỐ 05c/BTP/KSTT [9] VỀ TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA TTHC DỰA TRÊN DỮ LIỆU

STT	Kết quả sửa đổi, bổ sung VBQPPL						Tổng số TTHC đã tái cấu trúc theo các CSDL	Số liệu chi tiết TTHC đã tái cấu trúc theo các CSDL						Số Quyết định công bố TTHC đã được ban hành
	Tên tỉnh, thành phố	Số TTHC phải cắt giảm, thay thế bằng dữ liệu	Số VBQPPL phải sửa đổi, bổ sung		Số VBQPPL đã được sửa đổi, bổ sung		Số TTHC đã cắt giảm, thay thế bằng dữ liệu sau khi VBQPPL được sửa đổi, bổ sung		Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp	Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm xã hội	Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử	Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đất đai	Từ 02 Cơ sở dữ liệu trở lên	
			Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh	Quyết định của UBND cấp tỉnh	Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh	Quyết định của UBND cấp tỉnh									
1	Thành phố Hải Phòng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

[9] Trong kỳ báo cáo, thành phố chưa phát sinh TTHC được phê duyệt và thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu

VI. BIỂU SỐ 07b/BTP/KSTT VỀ TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TTHC CỦA UBND CẤP TỈNH

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận						Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết		
		Tổng số	Trong kỳ				Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
			Trực tuyến toàn trình	Trực tuyến một phần	Qua dịch vụ bưu chính	Trực tiếp								
(1)	(2)	(3) = (4)+(5)+(6)+(7)+(8)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (10)+(11)+(12)	(10)	(11)	(12)	(13) = (14)+(15)	(14)	(15)
I. Tình hình, kết quả giải quyết TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền của UBND cấp tỉnh														
1	Báo chí	5	5	0	0	0	0	5	5	0	0	0	0	0
2	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0
3	Xuất Bản, In và Phát hành	44	38	0	0	0	6	42	42	0	0	2	2	0
4	Di sản văn hóa	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0
5	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm	2	1	0	0	0	1	2	2	0	0	0	0	0
6	Nghệ thuật biểu diễn	19	17	0	0	0	2	17	17	0	0	2	2	0
7	Quảng cáo	77	71	0	0	0	6	68	68	0	0	9	9	0
8	Hoạt động mua bán quốc	4	3	0	0	0	1	2	2	0	0	2	2	0

	tế chuyên ngành văn hóa													
9	Du lịch	23	17	6	0	0	0	22	22	0	0	1	1	0
10	Đầu tư tại Việt nam	354	0	177	5	0	172	139	129	8	2	215	193	22
11	Việc làm	8146	5241	0	0	1338	1567	6768	6768	0	0	1378	1376	2
12	Môi trường	59	11	5	0	0	43	11	10	0	1	48	48	0
13	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	16	0	10	0	0	6	11	11	0	0	5	5	0
14	Hoạt động xây dựng	81	4	49	0	0	28	46	46	0	0	35	35	0
15	Quy hoạch đô thị và nông thôn	64	45	8	0	0	11	54	53	0	1	10	10	0
16	Người có công	264	190	9	0	0	65	196	196	0	0	68	68	0
17	Lao động, tiền lương	370	254	0	0	0	116	315	314	0	1	55	55	0
18	Tín ngưỡng, tôn giáo	8	8	0	0	0	0	6	6	0	0	2	2	0
19	Bảo trợ xã hội	6	0	5	0	0	1	6	6	0	0	0	0	0
20	An toàn thực phẩm	281	40	177	0	0	64	219	219	0	0	62	62	0
21	Đào tạo và Nghiên cứu khoa học	8	0	3	0	0	5	3	3	0	0	5	5	0
22	Dược phẩm	469	0	283	0	0	186	274	274	0	0	195	195	0
23	Khám bệnh, chữa bệnh	1099	229	550	0	0	320	699	698	1	0	400	400	0
24	Mỹ phẩm	56	39	1	0	0	16	37	36	1	0	19	19	0
25	Thiết bị y tế	68	62	6	0	0	0	68	68	0	0	0	0	0

26	Phòng bệnh	20	12	5	0	0	3	19	19	0	0	1	1	0
27	Thi đua, khen thưởng	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	1	1	0
28	Công chứng	12	12	0	0	0	0	12	11	1	0	0	0	0
29	Hộ tịch	99	97	0	0	0	2	99	53	46	0	0	0	0
30	Luật sư	7	6	0	0	0	1	6	6	0	0	1	1	0
31	Nuôi con nuôi	4	0	3	0	0	1	0	0	0	0	4	4	0
32	Quốc tịch	4	0	0	0	0	4	1	0	1	0	3	1	2
33	Tư vấn pháp luật	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0
34	Thừa hành viên	3	3	0	0	0	0	2	2	0	0	1	1	0
35	Đường bộ	4427	4131	27	0	3	266	4173	4172	1	0	254	254	0
36	Hàng hải và đường thủy nội địa	111	92	16	0	0	3	108	108	0	0	3	3	0
37	Hạ tầng kỹ thuật	4	0	3	0	0	1	3	3	0	0	1	1	0
38	Kinh doanh bất động sản	341	2	206	0	0	133	297	297	0	0	44	44	0
39	Vật liệu xây dựng	25	16	0	0	0	9	14	14	0	0	11	11	0
40	Hội nghị, hội thảo quốc tế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
41	Điện lực	18	0	13	0	0	5	9	9	0	0	9	9	0
42	Chất lượng sản phẩm hàng hóa	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	1	1	0
43	Dầu khí	2	0	0	0	0	2	0	0	0	0	2	2	0
44	Điện	2	0	2	0	0	0	1	1	0	0	1	1	0
45	Hóa chất	258	114	104	0	0	40	211	211	0	0	47	47	0

46	Kinh doanh khí	2	0	0	0	0	2	0	0	0	0	2	2	0
47	Lưu thông hàng hóa trong nước	7	6	0	0	0	1	7	7	0	0	0	0	0
48	Thương mại quốc tế	8	1	6	0	0	1	6	6	0	0	2	2	0
49	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	2	0	2	0	0	0	2	2	0	0	0	0	0
50	Xuất nhập khẩu	2	1	1	0	0	0	2	2	0	0	0	0	0
51	Xúc tiến thương mại	16	16	0	0	0	0	16	16	0	0	0	0	0
52	Giám định thương mại	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0
53	Quản lý bán hàng đa cấp	9	5	0	0	0	4	9	9	0	0	0	0	0
54	Cụm Công nghiệp	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	1	1	0
55	Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	4	2	0	0	0	2	3	3	0	0	1	1	0
56	Địa chất và khoáng sản	28	0	3	0	4	21	12	10	2	0	16	16	0
57	Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm	157	0	123	0	0	34	108	99	0	9	49	49	0

58	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	4863	4863	0	0	0	0	4549	0	4549	0	314	314	0
59	Thủy sản	37	34	0	0	0	3	36	36	0	0	1	1	0
60	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	17	16	0	0	0	1	15	13	2	0	2	2	0
61	Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước	61	52	0	0	0	9	40	31	9	0	21	21	0
62	Chăn nuôi	2	1	0	0	0	1	1	1	0	0	1	1	0
63	Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0
64	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	78	37	27	0	0	14	72	64	6	2	6	6	0
65	Thú y	22	18	3	0	0	1	20	20	0	0	2	2	0
66	Thủy lợi	33	17	0	0	0	16	24	22	2	0	9	9	0
67	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	3	3	0	0	0	0	3	3	0	0	0	0	0
68	Biển và hải đảo	43	0	0	0	0	43	0	0	0	0	43	43	0
69	Đất đai	34030	0	16272	0	1	17757	16227	16100	118	9	17803	17803	0
70	Tài nguyên nước	12	6	1	0	0	5	5	5	0	0	7	7	0

71	Đăng ký biện pháp bảo đảm	10306	0	10119	0	0	187	10079	10054	25	0	227	227	0
72	Kiểm lâm	405	3	393	0	0	9	395	395	0	0	10	10	0
73	Hoạt động khoa học và công nghệ	22	1	16	0	0	5	21	21	0	0	1	1	0
74	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	9	5	4	0	0	0	9	9	0	0	0	0	0
75	An toàn bức xạ và hạt nhân	71	0	53	0	0	18	54	54	0	0	17	17	0
76	Sở hữu trí tuệ	4	0	3	0	0	1	2	2	0	0	2	2	0
77	Bưu chính	2	0	2	0	0	0	2	2	0	0	0	0	0
78	Tần số vô tuyến điện	167	9	116	0	0	42	110	110	0	0	57	57	0
79	Viễn thông và Internet	51	0	23	0	0	28	20	20	0	0	31	31	0
80	Giáo dục thường xuyên	22	17	0	0	0	5	22	22	0	0	0	0	0
81	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	2	0	0	0	0	2	0	0	0	0	2	2	0
82	Văn bằng, chứng chỉ	460	432	28	0	0	0	445	445	0	0	15	15	0
83	Tiếp công dân	7	0	0	0	7	0	7	0	7	0	0	0	0
84	Xử lý đơn thư	104	0	0	94	10	0	104	0	104	0	0	0	0
II. Tổng hợp tình hình, kết quả giải quyết TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền của UBND cấp xã														
1	Người có công	766	488	28	0	0	250	526	524	0	2	240	240	0
2	Thành lập và hoạt động	6125	5486	597	0	1	41	6009	5906	92	11	116	116	0

	doanh nghiệp (hộ kinh doanh)													
3	Bảo trợ xã hội	4023	470	2829	0	22	702	3430	3424	6	0	593	593	0
4	Đất đai	7243	685	3131	1	13	3413	3182	3118	19	45	4061	4030	31
5	Chứng thực	73840	2993	70727	0	15	105	73766	71458	2302	6	74	74	0
6	Hộ tịch	36227	29616	5831	0	159	621	35628	33108	2505	15	599	597	2
7	Hoạt động xây dựng	1414	168	1032	0	0	214	1189	1161	5	23	225	225	0
8	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	688	674	14	0	0	0	678	668	10	0	10	10	0
9	Hộ tịch; Đăng ký, quản lý cư trú; Bảo hiểm xã hội; Cấp, quản lý căn cước; Dân số, Bà mẹ - Trẻ em	177	145	32	0	0	0	177	175	2	0	0	0	0
10	Hỗ trợ chi mai táng phí cho đối tượng bảo trợ và thực hiện trợ cấp hưu trí xã hội	16	0	16	0	0	0	9	9	0	0	7	7	0
11	Giáo dục mầm non	3	1	1	0	1	0	1	1	0	0	2	2	0
12	Tài chính đất đai	109	90	17	0	0	2	43	43	0	0	66	66	0

13	Chứng thực điện tử	1707	168	1539	0	0	0	1706	1689	17	0	1	1	0
14	Quy hoạch đô thị và nông thôn	144	124	4	0	10	6	136	123	9	4	8	8	0
15	Nuôi con nuôi	7	1	4	0	0	2	4	4	0	0	3	3	0
16	Quản lý nhà nước về hội, quỹ	8	0	5	0	0	3	8	8	0	0	0	0	0
17	Hộ tịch - Đăng ký thường trú - Quản lý thu, Sổ - thẻ	227	226	0	0	0	1	226	216	10	0	1	1	0
18	Đăng ký thay đổi nội dung Đăng ký hộ kinh doanh	362	358	2	0	0	2	355	355	0	0	7	7	0
19	Tư pháp	2016	436	1567	0	0	13	2012	1967	45	0	4	4	0
20	Hàng hải và đường thủy nội địa	5	4	0	0	0	1	4	4	0	0	1	1	0
21	Văn hóa	23	23	0	0	0	0	23	23	0	0	0	0	0
22	Nhà ở và công sở	2	1	1	0	0	0	0	0	0	0	2	2	0
23	Chính sách	46	0	28	0	0	18	44	44	0	0	2	2	0
24	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	380	277	101	0	0	2	376	376	0	0	4	4	0
25	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	24	1	6	0	0	17	12	12	0	0	12	12	0

26	Nông nghiệp và Môi trường	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0
27	Liên thông hộ tịch Đăng ký thường trú Bảo trợ xã hội Người có công	483	459	24	0	0	0	483	483	0	0	0	0	0
28	Công chứng, chứng thực	4895	138	4756	0	0	1	4882	4858	14	10	13	13	0
29	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	59	21	38	0	0	0	21	21	0	0	38	38	0
30	Đường bộ	11	9	0	0	0	2	7	7	0	0	4	4	0
31	Môi trường	2	2	0	0	0	0	2	2	0	0	0	0	0
32	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	199	196	0	0	0	3	196	196	0	0	3	3	0
33	Điện lực	14	3	11	0	0	0	13	13	0	0	1	1	0
34	Thăm viếng mộ liệt sĩ; giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh; cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất,	12	12	0	0	0	0	12	12	0	0	0	0	0

	kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản													
35	Giáo dục nghề nghiệp	63	0	63	0	0	0	63	63	0	0	0	0	0
36	Hòa giải ở cơ sở	4	0	3	0	0	1	2	1	1	0	2	2	0
37	Kiểm định chất lượng giáo dục	1	0	0	0	0	1	1	0	1	0	0	0	0
38	An toàn thực phẩm	7	1	6	0	0	0	7	7	0	0	0	0	0
39	Quy hoạch đô thị và nông thôn kiến trúc	4	4	0	0	0	0	4	4	0	0	0	0	0
40	Chính quyền địa phương	1895	402	1431	0	0	62	1811	1811	0	0	84	84	0
41	Lao động, tiền lương	5	3	0	0	0	2	5	5	0	0	0	0	0
42	Giảm nghèo	5	3	2	0	0	0	3	3	0	0	2	2	0
43	Hưu trí xã hội	10	10	0	0	0	0	10	10	0	0	0	0	0
44	Tài chính doanh nghiệp	122	122	0	0	0	0	122	122	0	0	0	0	0
45	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	2	1	0	0	0	1	2	2	0	0	0	0	0
46	Hoạt động khác	2	0	0	0	0	2	2	2	0	0	0	0	0

47	Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	2	2	0	0	0	0	2	2	0	0	0	0	0
48	Ứng phó sự cố tràn dầu BQP	2	2	0	0	0	0	2	1	1	0	0	0	0
49	Tín ngưỡng, tôn giáo	1	1					1	1			0		
50	Thể dục thể thao	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0
TỔNG CỘNG		**211320**	**60138**	**122709**	**100**	**1584**	**26789**	**183593**	**173530**	**9922**	**141**	**27727**	**27668**	**59**

VII. BIỂU SỐ 09a/BTP/KSTT VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG

STT	Tên Bộ, ngành, địa phương	Kết quả công bố TTHC nội bộ		Kết quả công khai TTHC nội bộ				Lũy kế đến kỳ báo cáo					
		Số lượng Quyết định công bố	Số lượng TTHC nội bộ đã công bố	Đã công khai Quyết định, TTHC		Chưa công khai Quyết định, TTHC		Số lượng Quyết định công bố	Số lượng TTHC nội bộ đã công bố	Đã công khai Quyết định, TTHC		Chưa công khai Quyết định, TTHC	
				Đã công khai Quyết định	Đã công khai TTHC	Chưa công khai Quyết định	Chưa công khai TTHC			Đã công khai Quyết định	Đã công khai TTHC	Chưa công khai Quyết định	Chưa công khai TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (11) + (13)	(10) = (12) + (14)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Văn phòng UBND TP Hải Phòng	0	0	0	0	0	0	2	18	2	18	0	0
2	Sở Tài chính - TP Hải Phòng	0	0	0	0	0	0	7	78	7	78	0	0
3	Sở Tư pháp - TP Hải Phòng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Sở Xây dựng - TP Hải Phòng	0	0	0	0	0	0	7	38	7	38	0	0
5	Sở Y tế - TP Hải Phòng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Ban quản lý khu kinh tế - TP Hải Phòng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Sở Công Thương	0	0	0	0	0	0	3	4	3	4	0	0

8	Thanh tra TP Hải Phòng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Sở Giáo dục và Đào tạo - TP Hải Phòng	1	6	1	6	0	0	4	37	4	37	0	0
10	Sở Khoa học và Công nghệ - TP Hải Phòng	0	0	0	0	0	0	1	1	1	1	0	0
11	Sở Nông nghiệp và Môi trường - TP Hải Phòng	0	0	0	0	0	0	11	76	11	76	0	0
12	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch - TP Hải Phòng	0	0	0	0	0	0	1	13	1	13	0	0
13	Sở Ngoại vụ - TP Hải Phòng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
14	Sở Nội vụ - TP Hải Phòng	0	0	0	0	0	0	4	33	4	33	0	0
15	UBND phường Ái Quốc	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
16	UBND phường An Biên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
17	UBND phường An Dương	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
18	UBND phường An Hải	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
19	UBND xã An Hưng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
20	UBND xã An Khánh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
21	UBND xã An Lão	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

22	UBND phường An Phong	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
23	UBND xã An Phú	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
24	UBND xã An Quang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
25	UBND xã An Thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
26	UBND xã An Trường	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
27	UBND phường Bắc An Phụ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
28	UBND xã Bắc Thanh Miện	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
29	UBND phường Bạch Đằng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
30	UBND Đặc khu Bạch Long Vĩ - TP Hải Phòng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
31	UBND xã Bình Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
32	UBND xã Cẩm Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
33	UBND xã Cẩm Giàng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
34	UBND Đặc khu Cát Hải - TP Hải Phòng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
35	UBND xã Chấn Hưng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
36	UBND phường Chí Linh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

37	UBND xã Chí Minh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
38	UBND phường Chu Văn An	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
39	UBND xã Đại Sơn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
40	UBND phường Đồ Sơn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
41	UBND phường Đông Hải	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
42	UBND xã Đường An	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
43	UBND phường Dương Kinh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
44	UBND xã Gia Lộc	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
45	UBND xã Gia Phúc	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
46	UBND phường Gia Viên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
47	UBND xã Hà Bắc	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
48	UBND xã Hà Đông	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
49	UBND xã Hà Nam	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
50	UBND xã Hà Tây	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
51	UBND phường Hải An	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
52	UBND phường Hải Dương	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

53	UBND xã Hải Hưng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
54	UBND phường Hòa Bình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
55	UBND phường Hồng An	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
56	UBND phường Hồng Bàng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
57	UBND xã Hồng Châu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
58	UBND xã Hợp Tiến	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
59	UBND phường Hưng Đạo	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
60	UBND xã Hùng Thắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
61	UBND xã Kẻ Sặt	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
62	UBND xã Khúc Thừa Dụ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
63	UBND phường Kiến An	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
64	UBND xã Kiến Hải	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
65	UBND xã Kiến Hưng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
66	UBND xã Kiến Minh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
67	UBND xã Kiến Thụy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
68	UBND xã Kim Thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

69	UBND phường Kinh Môn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
70	UBND xã Lạc Phượng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
71	UBND xã Lai Khê	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
72	UBND phường Lê Chân	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
73	UBND phường Lê Đại Hành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
74	UBND phường Lê Ích Mộc	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
75	UBND phường Lê Thanh Nghị	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
76	UBND phường Lưu Kiếm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
77	UBND xã Mao Điền	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
78	UBND xã Nam An Phụ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
79	UBND phường Nam Đồ Sơn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
80	UBND phường Nam Đồng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
81	UBND xã Nam Sách	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
82	UBND xã Nam Thanh Miện	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
83	UBND phường Nam Triệu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

84	UBND xã Nghi Dương	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
85	UBND phường Ngô Quyền	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
86	UBND xã Nguyễn Bỉnh Khiêm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
87	UBND phường Nguyễn Đại Năng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
88	UBND xã Nguyên Giáp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
89	UBND xã Nguyễn Lương Bằng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
90	UBND phường Nguyễn Trãi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
91	UBND phường Nhị Chiểu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
92	UBND xã Ninh Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
93	UBND phường Phạm Sư Mạnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
94	UBND phường Phù Liễn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
95	UBND xã Phú Thái	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
96	UBND xã Quyết Thắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
97	UBND xã Tân An	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
98	UBND phường Tân Hưng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

99	UBND xã Tân Kỳ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
100	UBND xã Tân Minh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
101	UBND phường Thạch Khôi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
102	UBND xã Thái Tân	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
103	UBND phường Thành Đông	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
104	UBND xã Thanh Hà	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
105	UBND xã Thanh Miện	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
106	UBND phường Thiên Hương	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
107	UBND xã Thượng Hồng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
108	UBND phường Thủy Nguyên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
109	UBND xã Tiên Lãng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
110	UBND xã Tiên Minh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
111	UBND phường Trần Hưng Đạo	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
112	UBND phường Trần Liễu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
113	UBND phường Trần Nhân Tông	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
114	UBND xã Trần Phú	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

115	UBND xã Trường Tân	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
116	UBND xã Tứ Kỳ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
117	UBND phường Tứ Minh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
118	UBND xã Tuệ Tĩnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
119	UBND phường Việt Hòa	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
120	UBND xã Việt Khê	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
121	UBND xã Vĩnh Am	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
122	UBND xã Vĩnh Bảo	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
123	UBND xã Vĩnh Hải	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
124	UBND xã Vĩnh Hòa	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
125	UBND xã Vĩnh Lại	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
126	UBND xã Vĩnh Thịnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
127	UBND xã Vĩnh Thuận	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
128	UBND xã Yết Kiêu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
TỔNG SỐ		**1**	**6**	**1**	**6**	**0**	**0**	**40**	**298**	**40**	**298**	**0**	**0**

VIII. BIỂU SỐ 09b/BTP/KSTT VỀ KẾT QUẢ PHÊ DUYỆT, THỰC THI PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA TTHC NỘI BỘ

STT	Tên bộ, ngành, địa phương	Kết quả phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ				Tên, số ký hiệu văn bản	Kết quả thực thi Phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ				Văn bản ban hành để thực thi	Kết quả thực thi Phương án cắt giảm, ĐGH TTHC nội bộ (Lũy kế)			
		Số bãi bỏ	Số sửa đổi, bổ sung	Số giữ nguyên	Cộng		Số bãi bỏ	Số sửa đổi, bổ sung	Số giữ nguyên	Cộng		Số bãi bỏ	Số sửa đổi, bổ sung	Số giữ nguyên	Cộng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (3)+(4)+(5)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11) = (8)+(9)+(10)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16) = (13)+(14)+(15)
1	Sở Tài chính - TP Hải Phòng	0	0	0	0		0	0	0	0	Quyết định số 5324/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của UBND thành phố Hải Phòng	0	3	0	3
2	Sở Tư pháp - TP Hải Phòng	0	0	0	0		0	0	0	0		0	0	0	0
3	Sở Xây dựng - TP Hải Phòng	0	0	0	0		0	0	0	0		2	1	0	3
4	Sở Y tế - TP Hải Phòng	0	0	0	0		0	0	0	0		0	0	0	0
5	Ban quản lý khu kinh tế -	0	0	0	0		0	0	0	0		0	0	0	0

	TP Hải Phòng														
6	Sở Công Thương	0	0	0	0		0	0	0	0		0	0	0	0
7	Thanh tra TP Hải Phòng	0	0	0	0		0	0	0	0		0	1	0	1
8	Sở Giáo dục và Đào tạo - TP Hải Phòng	0	0	0	0		0	0	0	0		2	0	0	2
9	Sở Khoa học và Công nghệ - TP Hải Phòng	0	0	0	0		0	0	0	0		0	0	0	0
10	Sở Nông nghiệp và Môi trường - TP Hải Phòng	0	0	0	0		0	0	0	0		0	0	0	0
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch - TP Hải Phòng	0	0	0	0		0	0	0	0		0	2	0	2
12	Sở Ngoại vụ - TP Hải Phòng	0	0	0	0		0	0	0	0		0	0	0	0

13	Sở Nội vụ - TP Hải Phòng	0	0	0	0		0	0	0	0		0	0	0	0
TỔNG SỐ		**0**	**0**	**0**	**0**		**0**	**0**	**0**	**0**		**4**	**7**	**0**	**11**